

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON SEN HỒNG 3

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Hoàn thành chương trình chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành. Khẩu phần dinh dưỡng đạt 50- 55 %/ Kcal/ngày. Tỉ lệ giảm suy dinh dưỡng (SDD) so với đầu năm: + SDD thể nhẹ cân: Giảm 1/1, tỷ lệ: 100 %. + SDD thể gầy còm: Giảm 1/1, tỷ lệ: 100 %. + SDD thể thấp còi: Giảm 1/1, tỷ lệ: 100 %. + Tỉ lệ giảm dư cân, béo phì so với đầu năm học: Cải thiện 1/1, tỷ lệ: 100 %	Hoàn thành chương trình chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành. Khẩu phần dinh dưỡng đạt 50- 55 %/ Kcal/ngày. Tỉ lệ giảm suy dinh dưỡng (SDD) so với đầu năm: + SDD thể nhẹ cân: Không có trẻ SDD + SDD thể gầy còm: Không có trẻ SDD + SDD thể thấp còi: Không có trẻ SDD + Tỉ lệ giảm dư cân, béo phì so với đầu năm học: Cải thiện 10/23, tỷ lệ: 43 %
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Đảm bảo thực hiện có chất lượng Ch/trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành ngày 25 tháng 7 năm 2009 theo Thông tư số 17/2009/TT-BGD-ĐT ngày 25/7/2009 và chỉnh sửa bổ sung theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 Xây dựng và thực hiện có chất lượng chương trình theo chỉ đạo của Phòng GD&ĐT Thủ Đức Ứng dụng các phương pháp dạy học kỹ năng giáo tiếp, lấy trẻ làm trung tâm nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của trẻ	Đảm bảo thực hiện có chất lượng Ch/trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành ngày 25 tháng 7 năm 2009 theo Thông tư số 17/2009/TT-BGD-ĐT ngày 25/7/2009 và chỉnh sửa bổ sung theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 Xây dựng và thực hiện có chất lượng chương trình theo chỉ đạo của Phòng GD&ĐT Thủ Đức Ứng dụng các phương pháp dạy học kỹ năng giáo tiếp, lấy trẻ làm trung tâm nhằm phát huy tính tích cực, chủ động



		trong các hoạt động tổ chức tại trường.	của trẻ trong các hoạt động tổ chức tại trường.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	1. Thể chất - 90 % trẻ thực hiện được vận động cơ bản và 1 số tổ chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo...) - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay. Thực hiện phối hợp tay - mắt, tay-chân- cơ thể, thể hiện sức mạnh của cơ bắp. 2. Tình cảm xã hội Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. Thực hiện 1 số quy định đơn giản trong sinh hoạt Thể hiện cảm xúc qua hát, nghe hát và vận động theo nhạc, tô màu, xếp hình, xem tranh. 3. Nhận thức Thích tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan. Có 1 số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật hiện tượng gần gũi 4. Ngôn ngữ Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. Biết hỏi và trả lời 1 số câu hỏi đơn giản bằng lời nói cử chỉ. Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. Hồn nhiên trong giao tiếp	1. Thể chất Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp Tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tổ chất trong vận động. Nhận biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe. Tập làm 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt 2. Tình cảm xã hội Có ý thức về bản thân, có khả năng nhận biết và thực hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh Có 1 số phẩm chất: Mạnh dạn tự tin, biết chia sẻ, biết lắng nghe Có 1 số kỹ năng sống: Tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ. 3. Nhận thức Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh Có khả năng quan sát, so sánh, phán đoán Có khả năng diễn đạt tình cảm thông qua hành động và ngôn ngữ Có 1 số khái niệm sơ đẳng về toán 4. Ngôn ngữ Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, điệu bộ...)

			Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của câu thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi Có 1 số kỹ năng ban đầu về đọc viết 5. Thẩm mỹ Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình. Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Tham gia các hoạt động lễ hội như vui trung thu, mùa xuân, giỗ Tổ Hùng Vương	Tham gia các hoạt động lễ hội như vui trung thu, mùa xuân, giỗ Tổ Hùng Vương. Các lớp học ngoại khóa anh văn, vẽ, nhịp điệu.

Thành phố Thủ Đức, ngày 01 tháng 03 năm 2022



Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Mai Phương

BIỂU MẪU 02

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC 3
TRƯỜNG MẦM NON SEN HỒNG 3

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	130			13	25	42	50
1	Số trẻ em nhóm ghép	0			0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0			0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	130			16	43	59	72
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0			0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	130			13	25	42	50
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	130			13	25	42	50
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	130			13	25	42	50
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	105			11	21	38	35
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	1			1	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	130			13	25	42	50
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân/thấp còi	0			0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	24			1	4	4	15
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục trẻ							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ				13			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo					25	42	50

Thủ Đức, ngày 01 tháng 3 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Đã ký)
Nguyễn Mai Phương



BIỂU MẪU 03

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON SEN HỒNG 3

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở giáo dục mầm non , năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	6	3 m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	6	3
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	2018,9m ²	10.63 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	427m ²	2.3 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	53.8m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	53.8m ²	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	12.18m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	24.75m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	0	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	66m ²	
VII	Tổng số thiết bị đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (đơn vị tính : bộ)	6	6 bộ/6 nhóm(lớp)
1	Số thiết bị đồ dùng , đồ chơi tối thiểu hiện có theo qui định	6	6 bộ/6 nhóm(lớp)
2	Số thiết bị đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với qui định	0	

VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	12bộ	12 bộ sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính,máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số ...)	9 bộ	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo qui định)	-Ti vi: 7 -Máy photo: 2 -Máy in: 7 -Bàn ghế: 340 - Camera an ninh: 2 bộ	
Số lượng (m ²)			
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Số m ² /trẻ em
		Chung nam/nữ	Nam/nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	2	0,4m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh		

(Theo quyết định số 14/2008/QĐ-BGĐT ngày 7/4/2008 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non và thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ y tế ban hành qui chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện(lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối Internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Thủ Đức, ngày 01 tháng 3 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)
Nguyễn Mai Phương

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở
giáo dục mầm non, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng Số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	22			14	1			2	3	9	4	9	0	0
I	Giáo viên	12			11		1		2	3	7		12		
1	Nhà trẻ	2			2				1		1		1		
2	Mẫu giáo	10			9		1		1	3	6	3	7		
II	Cán bộ quản lý	2			2						2		2		
1	Hiệu trưởng	1			1						1		1		
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1		1		
III	Nhân viên	8													
1	Nhân viên kế toán kiêm nhiệm văn thư	1				1									
2	Nhân viên y tế kiêm nhiệm thủ quỹ	1				1									
3	Nhân viên khác	6						6							

Thành phố Thủ Đức, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Mai Phương